

## QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG DẠY NGHỀ THEO HƯỚNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ DÂN TỘC NỘI TRÚ BẮC KẠN

• Phí Thị Hiếu<sup>(\*)</sup>, Lý Quang Tiến<sup>(\*\*)</sup>, Đào Thị Liễu<sup>(\*\*\*)</sup>

### Tóm tắt

*Bài báo làm rõ một số vấn đề lý luận và phản ánh thực trạng quản lý hoạt động dạy nghề ở Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú Bắc Kạn, bao gồm: quản lý mục tiêu dạy nghề; quản lý hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học, thực hành, thực tập của học sinh; quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở thực hành, trang thiết bị dạy nghề và các kiến nghị góp phần giúp cho hoạt động dạy nghề của Nhà trường đáp ứng được nhu cầu xã hội.*

*Từ khóa: Quản lý, dạy nghề, nhu cầu xã hội, cao đẳng nghề, dân tộc nội trú.*

### 1. Đặt vấn đề

Vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được coi là động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam. Phát triển nguồn nhân lực là nền móng để giải quyết triệt để đói nghèo, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, ổn định chính trị - xã hội thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững. Đảng, Nhà nước đã có nhiều chính sách được thể chế hoá bằng Hiến pháp và pháp luật để khuyến khích, ưu đãi và phát triển nguồn nhân lực. Để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong nền kinh tế thị trường, đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội đã trở thành một vấn đề cấp thiết. Ở nước ta, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương đào tạo gắn với nhu cầu xã hội. Trong khi đó, dạy nghề về cơ bản vẫn đào tạo theo "hướng cung", chưa bám sát được nhu cầu xã hội. Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đã được Đại hội lần thứ XI của Đảng (tháng 1/2011) xác định là một khâu đột phá chiến lược để bảo đảm đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại [1]. Điều này đòi hỏi dạy nghề phải thay đổi mạnh mẽ, phát triển nhanh mới đáp ứng nhu cầu bức thiết của doanh nghiệp.

Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú (DTNT) Bắc Kạn được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề Bắc Kạn. Nhà trường tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hoá các ngành, nghề đào tạo, đào tạo trọng tâm những nghề phục vụ trực tiếp cho phát triển sản xuất và dịch vụ của Tỉnh, dạy nghề cho xuất khẩu lao động, liên kết

với các trường cao đẳng, đại học để đào tạo liên thông. Hoạt động đào tạo của Nhà trường đã phần nào đáp ứng nhu cầu xã hội, tuy nhiên còn mang tính tự phát, không liên tục và thiếu những cơ sở lý luận vững chắc, chưa có mô hình liên kết hợp lý, bởi vậy dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội đang gặp nhiều khó khăn. Để chuyển từ đào tạo theo hướng cung sang hướng cầu, phải đổi mới quản lý đào tạo để đáp ứng nhu cầu xã hội. Do đó, nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả của hoạt động này là việc làm cấp thiết.

Nghiên cứu của chúng tôi được triển khai trong năm học 2016 - 2017. Khách thể khảo sát gồm: 65 cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV); 156 học sinh (HS) đang theo học tại trường; và đại diện của 7 doanh nghiệp. Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: phương pháp điều tra, phỏng vấn sâu. Nội dung quản lý hoạt động dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội ở trường cao đẳng nghề được đánh giá theo các mức độ: rất tốt, tốt, khá, trung bình, yếu. Các tiêu chí để đánh giá các mức độ: Rất tốt - nội dung được thực hiện hoàn toàn đầy đủ và mang lại hiệu quả như mong muốn (đạt mục tiêu trên 90%); Tốt - nội dung được thực hiện đầy đủ và hiệu quả đạt 80% - 90% mục tiêu; Khá - nội dung được thực hiện tương đối đầy đủ và hiệu quả đạt từ 70% - 79%; Trung bình - nội dung và hiệu quả thực hiện đạt từ 50% - 69%; Yếu - nội dung và hiệu quả thực hiện đạt dưới mức trung bình (dưới 50%).

### 2. Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội ở trường cao đẳng nghề

Hoạt động dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội

(\*) Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

(\*\*) Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn.

(\*\*\*) Trường Cao đẳng cộng đồng Bắc Kạn.

là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức đến người học nghề để hình thành và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, trong đó có nhu cầu quốc gia, nhu cầu doanh nghiệp và nhu cầu bản thân người học nghề.

Nhu cầu xã hội về thợ lành nghề là mong muốn của người sử dụng lao động, người tuyển dụng... có được những lao động thành thạo về kỹ năng, công việc, thích ứng được môi trường làm việc mà người sử dụng lao động cần.

Quản lý hoạt động dạy nghề đáp ứng nhu cầu xã hội là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch hợp quy luật của chủ thể quản lý trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến khách thể quản lý nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao có kiến thức, kỹ năng, thái độ tự chủ và chịu trách nhiệm... theo yêu cầu xã hội.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp cận hoạt động quản lý theo cách tiếp cận nội dung và nghiên cứu sâu các khía cạnh sau: quản lý mục tiêu dạy nghề; quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên; quản lý hoạt động học tập, thực tập của HS; quản lý cơ sở vật chất (CSVC) kỹ thuật, cơ sở thực hành, trang thiết bị dạy nghề.

#### *Quản lý mục tiêu dạy nghề*

Quản lý mục tiêu dạy nghề được thể hiện qua các khía cạnh: Khảo sát nhu cầu học nghề của HS; Khảo sát nhu cầu thị trường lao động; Rà soát điều chỉnh chương trình dạy nghề hằng năm; Hợp tác với doanh nghiệp xây dựng chương trình, giáo trình. Xác định mục tiêu cụ thể của từng nghề đào tạo phải căn cứ vào tiêu chuẩn nghề tương ứng với trình độ đào tạo, căn cứ vào yêu cầu đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, mức độ phù hợp và thích ứng của người tốt nghiệp, năng lực hành nghề tại các vị trí làm việc cụ thể ở doanh nghiệp sản xuất và khả năng phát triển nghề nghiệp. Như vậy, mỗi nghề đào tạo cần thể hiện rõ các mục tiêu sau: Nêu rõ yêu cầu, trình độ đầu vào (sức khỏe, độ tuổi, trình độ văn hóa, đối tượng...); Xác định mục tiêu đào tạo cho từng nghề phải rõ ràng theo một trình tự hợp lý; Xác định yêu cầu trình độ đầu ra của người học về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

#### *Quản lý hoạt động giảng dạy của GV*

Quản lý hoạt động giảng dạy của GV trường cao đẳng nghề DTNT bao gồm nhiều nội dung, đảm bảo tuân thủ theo đúng nguyên tắc dạy học và quy chế đào tạo như: quản lý việc thực hiện nội dung chương trình giảng dạy của GV; quản lý việc thực hiện quy chế đào tạo của GV; quản lý việc GV khai thác và sử dụng thiết bị, vật tư, phương tiện dạy nghề; quản lý việc GV đánh giá kết quả học tập, thực tập và rèn luyện của HS; quản lý việc tổ chức thực hành, thực tập cho HS...

#### *Quản lý hoạt động học tập, thực tập của HS*

Quản lý hoạt động học tập của HS là làm cho HS hăng hái tích cực trong học tập, phấn đấu đạt kết quả cao trong học tập, đồng thời có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tế sản xuất. Quản lý hoạt động học tập, thực tập, thực hành của HS được tiến hành đồng bộ cả trong và ngoài giờ lên lớp, trong và ngoài nhà trường như quản lý giờ lên lớp, giờ thực tập, thực hành, đánh giá kết quả học tập và thực tập, đánh giá đạo đức, tác phong nghề nghiệp trong việc chấp hành nội quy - quy chế đào tạo...

#### *Quản lý CSVC kỹ thuật, cơ sở thực hành, trang thiết bị dạy nghề*

Quản lý CSVC kỹ thuật và cơ sở thực hành, trang thiết bị phương tiện phục vụ hoạt động đào tạo nghề đòi hỏi các nhà quản lý phải chỉ đạo và thường xuyên quan tâm, theo dõi kiểm tra, giám sát việc xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng đúng mục đích, phát huy tối đa các nguồn lực CSVC kỹ thuật, xưởng thực hành, trang thiết bị dạy nghề... Đồng thời, hoàn thiện các quy chế, chế tài, hướng dẫn quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa các nguồn lực CSVC kỹ thuật, trang thiết bị, vật tư dạy nghề... Cùng với đó, cần chú trọng đầu tư, nâng cấp bổ sung trang thiết bị công nghệ mới phù hợp với thực tiễn như phòng học, xưởng thực hành, môi trường đào tạo nghề... trong suốt quá trình diễn ra khoá học.

### **3. Thực trạng quản lý hoạt động dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn**

#### **3.1. Thực trạng quản lý mục tiêu dạy nghề**

Khảo sát ý kiến của CBQL, GV và đại diện doanh nghiệp về thực trạng quản lý mục tiêu dạy nghề của Nhà trường, chúng tôi thu được kết quả như sau:

**Bảng 1. Thực trạng quản lý mục tiêu dạy nghề ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn (n= 65)**

TT	Nội dung	Mức độ									
		Rất tốt		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Khảo sát nhu cầu học nghề của HS	2	3,1	20	30,8	19	29,2	21	32,3	3	4,62
2	Khảo sát nhu cầu thị trường lao động	5	7,7	13	20,0	24	36,9	21	32,3	2	3,08
3	Rà soát điều chỉnh chương trình dạy nghề hằng năm	4	6,2	23	35,4	28	43,1	8	12,3	2	3,08
4	Hợp tác với doanh nghiệp xây dựng chương trình, giáo trình	6	9,2	8	12,3	21	32,3	27	41,5	3	4,62
5	Hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong dạy nghề	4	6,2	13	20,0	24	36,9	17	26,2	7	10,8
6	Chương trình dạy nghề của trường phù hợp với trình độ người học	2	3,1	22	33,8	31	47,7	10	15,4	0	0
7	Xây dựng hồ sơ năng lực (chuẩn đầu ra) đối với từng ngành nghề	7	10,8	15	23,1	39	60,0	2	3,1	2	3,08
8	Công tác truyền thông về hoạt động đào tạo của nhà trường	12	18,5	21	32,3	22	33,8	9	13,8	1	1,54

Số liệu bảng 1 cho thấy, thực trạng quản lý mục tiêu dạy nghề ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn được đánh giá chủ yếu ở mức độ khá. Ở hầu hết các nội dung, mức độ tốt và trung bình chiếm tỷ lệ tương đương nhau. “Xây dựng hồ sơ năng lực (chuẩn đầu ra) đối với từng ngành nghề”; “Công tác truyền thông về hoạt động đào tạo của nhà trường” và “Chương trình dạy nghề của trường phù hợp với trình độ người học” được đánh giá cao hơn cả (chiếm khoảng 85% tổng số ý kiến đánh giá mức độ khá trở lên). Tuy nhiên, những nội dung quan trọng khác liên quan trực tiếp đến việc đáp ứng nhu cầu xã hội trong dạy nghề như: Khảo sát nhu cầu học nghề của HS; Hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong dạy nghề; Khảo sát nhu cầu thị trường lao động được đánh giá thấp (số ý kiến đánh giá mức độ trung bình và yếu chiếm từ 36% đến 45%). Ông

Nguyễn Duy Nghiệp - Chủ Gara ô tô Duy Nghiệp cho rằng: “Việc hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà trường còn rất hạn chế, chưa có sự trao đổi thông tin về chương trình đào tạo nhằm điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với công nghệ mới. Ví dụ: hiện nay đa số ô tô được trang bị những thiết bị hiện đại nhưng HS vẫn học trên mô hình xe cũ, không có những thiết bị này”. Do vậy, Nhà trường cần khắc phục những tồn tại trong quản lý mục tiêu dạy nghề để nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động là đào tạo theo hướng người sử dụng lao động cần chứ không phải là đào tạo theo hướng nhà trường có.

### 3.2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của GV

Khảo sát ý kiến của CBQL, GV về thực trạng quản lý hoạt động dạy của GV ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn, chúng tôi thu được kết quả như sau:

**Bảng 2. Thực trạng quản lý hoạt động dạy của GV ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn (theo ý kiến đánh giá của CBQL, GV) (n=65)**

TT	Nội dung	Mức độ									
		Rất tốt		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Việc GV thực hiện nội dung chương trình giảng dạy của trường	5	7,7	29	44,6	23	35,4	7	10,8	1	1,5

2	Việc GV thực hiện quy chế đào tạo và quy định sổ sách, biểu mẫu	3	4,6	35	53,8	21	32,3	6	9,2	0	0,0
3	Việc GV khai thác và sử dụng thiết bị, vật tư, phương tiện dạy nghề	4	6,2	22	33,8	26	40,0	12	18,5	1	1,5
4	Việc rà soát đánh giá năng lực, kỹ năng nghề và bố trí, sử dụng GV	1	1,5	22	33,8	27	41,5	13	20,0	2	3,1
5	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ GV	7	10,8	29	44,6	19	29,2	10	15,4	0	0,0
6	Việc GV đánh giá kết quả học tập, thực tập và rèn luyện đối với HS	5	7,7	20	30,8	25	38,5	15	23,1	0	0,0
7	Khảo sát ý kiến của HS về hoạt động giảng dạy của GV	2	3,1	20	30,8	20	30,8	22	33,8	1	1,5
8	Khảo sát ý kiến của HS về hoạt động tổ chức thực tập, thực hành của GV	1	1,5	20	30,8	15	23,1	27	41,5	2	3,1

Kết quả khảo sát cho thấy: Có sự phân tán ý kiến trong đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của GV. Ở tất cả các nội dung, ý kiến đánh giá có ở cả 5 mức độ: rất tốt, tốt, khá, trung bình, yếu. Các nội dung quản lý được đánh giá cao hơn cả: “Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ GV” và “Quản lý việc GV thực hiện quy chế đào tạo và quy định sổ sách, biểu mẫu”, đây là hai trong những nội dung ảnh hưởng lớn nhất tới hiệu quả của công tác quản lý, đồng thời quyết định chất lượng đào tạo của nhà trường.

Các nội dung được đánh giá thấp: “Việc rà soát đánh giá năng lực, kỹ năng nghề và bố trí, sử dụng GV”; “Khảo sát ý kiến của HS về hoạt động giảng dạy của GV”; “Khảo sát ý kiến của HS về hoạt động tổ chức thực tập, thực hành của GV”. Lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục, xây dựng đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại. Đây còn là kênh thông tin giúp GV điều chỉnh hoạt động giảng dạy; nâng cao tinh thần trách nhiệm của GV trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của cơ sở giáo dục. Đồng thời, bằng việc cung cấp thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV sẽ tăng cường tinh thần trách nhiệm của HS, sinh viên với quyền lợi, nghĩa vụ học tập, rèn luyện của bản thân; tạo điều kiện để HS, sinh

viên được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV. Do đó, Nhà trường cần tổ chức tốt hoạt động này để đảm bảo nguyên tắc pháp chế trong quản lý, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Trao đổi với chúng tôi, thầy B.T.B, GV của trường cho biết: Việc khảo sát ý kiến của HS về hoạt động giảng dạy, tổ chức thực tập, thực hành cho HS đã được tổ chức nhưng chưa thường xuyên. Kết quả xử lý thông tin về ý kiến phản hồi chưa được thực hiện triệt để, do đó hiệu quả mang lại của hoạt động này còn thấp.

Đối với trường dạy nghề, việc khai thác và sử dụng thiết bị, vật tư hợp lý ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả đào tạo nghề. Khảo sát ý kiến của khách thể về công tác quản lý “Việc GV khai thác và sử dụng thiết bị, vật tư, phương tiện dạy nghề” cho thấy có tới 20% đánh giá hoạt động này ở mức trung bình và yếu. Do đó, Nhà trường cần tăng cường công tác quản lý để khắc phục những hạn chế nêu trên.

### 3.3. Thực trạng quản lý hoạt động học tập, thực hành, thực tập của HS

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Có sự khác biệt giữa đánh giá của GV và HS về quản lý hoạt động học tập, thực tập, thực hành của HS Trường Cao đẳng nghề DNTT Bắc Kạn. HS có xu hướng đánh giá hoạt động này cao hơn so với CBQL và GV. Theo chúng tôi, tuổi đời, vị thế xã hội, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn đã tạo nên sự khác biệt này.

**Bảng 3. Thực trạng quản lý học hoạt động học tập, thực tập, thực hành của HS ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn (theo ý kiến đánh giá của CBQL và GV) (n= 65)**

TT	Nội dung	Mức độ									
		Rất tốt		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hoạt động học lý thuyết của HS	2	3,1	14	21,5	33	50,8	15	23,1	1	1,5
2	Hoạt động tự học của HS	3	4,6	18	27,7	19	29,2	22	33,8	3	4,6
3	Hoạt động thực hành nghề của HS	5	7,7	23	35,4	28	43,1	7	10,8	2	3,1
4	Kết quả học tập của HS ở trường	4	6,2	17	26,2	21	32,3	21	32,3	2	3,1
5	Kết quả thực tập của HS	3	4,6	14	21,5	18	27,7	28	43,1	2	3,1

**Bảng 4. Đánh giá của HS về thực trạng quản lý hoạt động học tập, thực tập, thực hành của HS ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn (n= 156)**

TT	Nội dung	Mức độ									
		Rất tốt		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Hoạt động học lý thuyết của HS	25	16,0	63	40,4	56	35,9	12	7,7	0	0,0
2	Hoạt động tự học của HS	20	12,8	78	50,0	49	31,4	9	5,8	0	0,0
3	Hoạt động thực hành nghề của HS	32	20,5	72	46,2	47	30,1	4	2,6	1	0,6
4	Kết quả học tập của HS ở trường	22	14,1	62	39,7	59	37,8	12	7,7	1	0,6
5	Kết quả thực tập của HS	27	17,3	70	44,9	50	32,1	9	5,8	0	0,0

Nội dung được CBQL, GV và HS đánh giá cao hơn cả là quản lý hoạt động thực hành nghề của HS. Trong trường dạy nghề, hoạt động thực hành nghề là nhiệm vụ trọng tâm đối với người học, quyết định năng lực làm việc của người học sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn trên 10% GV đánh giá nội dung quản lý này ở mức trung bình và yếu. Vì vậy, rất cần sự quản lý sát sao của Nhà trường, sự nỗ lực của GV và HS trong quá trình thực hành nghề để hoạt động này đạt hiệu quả cao. Nhiều CBQL và GV đánh giá thấp đối với việc quản lý hoạt động tự học và kết quả thực tập của HS (bảng 4). Các nội dung còn lại đều chiếm từ trên 20% đến trên 40% mức độ trung bình và yếu theo ý kiến đánh giá của GV. Thực trạng này đòi hỏi Nhà trường cần có biện pháp quản lý phù hợp để cải tạo hiện trạng, nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó đáp ứng được yêu cầu của xã hội. HS N.V.D đang theo học tại trường cho biết: Nhà trường chưa thực sự chặt chẽ trong việc quản lý hoạt động học của HS chúng em. Nhiều HS chưa nghiêm túc hoặc vi phạm quy chế trong học tập, thực tập, thực hành nhưng cũng không bị xử lý. Do đó, nền nếp học tập của HS chưa thực sự tốt và ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo của Nhà trường.

#### **3.4. Thực trạng quản lý CSVC kỹ thuật, cơ sở thực hành, trang thiết bị dạy nghề**

Cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở thực hành, trang thiết bị dạy nghề (gọi chung là CSVC) là một thành phần quan trọng trực tiếp tham gia vào việc nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học nghề. Công tác quản lý CSVC có vai trò to lớn trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác CSVC ở mỗi nhà trường vì nó giúp các nhà quản lý: có cái nhìn tổng quan về phát triển CSVC và mức độ ảnh hưởng của nó tới hoạt động dạy học ở trong nhà trường; có cơ sở đề ra các biện pháp hợp lý, khoa học trong việc khai thác và sử dụng CSVC một cách có hiệu quả; đánh giá được thực trạng của CSVC, hiệu quả quá trình đầu tư mua sắm, bảo quản và chất lượng sử dụng, khai thác CSVC của các nhà trường, từ đó hoạch định chiến lược nâng cấp CSVC một cách lâu dài; đánh giá chính xác năng lực của các nhà quản lý trong hoạt động quản lý và đào tạo GV qua từng thời kỳ.

Khảo sát thực trạng quản lý CSVC kỹ thuật, cơ sở thực hành, trang thiết bị dạy nghề ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn, chúng tôi thu được kết quả như sau:

**Bảng 5. Thực trạng quản lý CSVC kỹ thuật, cơ sở thực hành, trang thiết bị dạy nghề trong Trường Cao đẳng nghề DTNT theo đánh giá của CBQL, GV (n = 65)**

TT	Nội dung	Mức độ									
		Rất tốt		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Quản lý cơ sở hạ tầng, phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và thư viện	7	10,8	26	40,0	20	30,8	12	18,5	0	0,0
2	Quản lý thiết bị, mô hình, phương tiện và học cụ phục vụ dạy nghề	3	4,6	26	40,0	28	43,1	7	10,8	1	1,5
3	Quản lý tài sản, phương tiện phụ trợ khác phục vụ dạy nghề	2	3,1	27	41,5	25	38,5	11	16,9	0	0,0
4	Việc sử dụng, khai thác CSVC, thiết bị, phương tiện phục vụ dạy nghề	8	12,3	18	27,7	25	38,5	13	20,0	1	1,5
5	Việc rà soát đánh giá khấu hao và sửa chữa, bảo trì CSVC, tài sản, thiết bị dạy nghề	2	3,1	14	21,5	24	36,9	21	32,3	4	6,2
6	Đầu tư kinh phí mua bổ sung thiết bị, phương tiện dạy nghề và sửa chữa, bảo dưỡng CSVC	6	9,2	15	23,1	37	56,9	7	10,8	0	0
7	Quy định về quản lý, khai thác sử dụng CSVC, thiết bị, vật tư, tài sản trong dạy nghề	2	3,1	14	21,5	40	61,5	8	12,3	1	1,5

Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của CBQL và GV cho thấy công tác quản lý CSVC trong trường chủ yếu được đánh giá ở mức khá. Ở nhiều nội dung quản lý, ý kiến đánh giá có sự phân tán, không có mức độ nào đạt trên 50%. Điều đó thể hiện sự thiếu thống nhất trong quan điểm của CBQL và GV về công tác quản lý CSVC của Nhà trường.

Các nội dung quản lý được đánh giá cao hơn: “Quản lý cơ sở hạ tầng, phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và thư viện”, “Quy định về quản lý, khai thác sử dụng CSVC, thiết bị, vật tư, tài sản trong dạy nghề” và “Đầu tư kinh phí mua bổ sung thiết bị, phương tiện dạy nghề và sửa chữa, bảo dưỡng CSVC”, đây là những hoạt động giúp đảm bảo chất lượng CSVC trong nhà trường đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề. Tuy nhiên, những hoạt động thực tế ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của việc sử dụng CSVC như: “Quản lý việc sử dụng, khai thác CSVC, thiết bị, phương tiện phục vụ dạy nghề”; “Việc rà soát đánh giá khấu hao và sửa chữa, bảo trì CSVC, tài sản, thiết

bị dạy nghề” được đánh giá thấp. Bên cạnh đó, theo ý kiến của GV khi chúng tôi trao đổi trực tiếp, dù được dự án Luxembourg tài trợ về mua sắm trang thiết bị nhưng không đồng bộ và không phù hợp với cơ sở hạ tầng của Nhà trường nên việc khai thác, sử dụng chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Thực trạng này đòi hỏi Nhà trường cần có biện pháp phù hợp để nâng cao chất lượng quản lý CSVC của đơn vị, đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, quản lý hoạt động dạy nghề theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội ở Trường Cao đẳng nghề DTNT Bắc Kạn vẫn tồn tại những hạn chế. Điều đó đòi hỏi Nhà trường cần cải tiến hoạt động quản lý, từ đó nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân kỹ thuật, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Từ việc phân tích thực trạng hoạt động quản lý, theo chúng tôi, những biện pháp mà Nhà trường cần thực hiện: Đổi mới công tác tuyển sinh, hướng nghiệp và điều chỉnh

chỉ tiêu tuyển sinh dựa trên kết quả khảo sát nhu cầu xã hội về học nghề; Tổ chức xây dựng và điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Đổi mới hoạt động dạy và học, tổ chức thực hành, thực tập; Tăng cường đầu tư và khai thác có hiệu quả CSVC, trang thiết bị dạy nghề; Hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo và dạy nghề./.

### Tài liệu tham khảo

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[2]. Đỗ Thanh Cường (2010), *Quản lý dạy học trong quá trình đào tạo nghề ở Trường Trung cấp nghề cơ khí I Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ Khoa học giáo dục, Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

[3]. Nguyễn Minh Đường, Phan Văn Kha (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Trường Trung cấp nghề Bắc Kạn (2012), *Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Trung cấp nghề Bắc Kạn giai đoạn 2012 - 2015 và tầm nhìn đến 2020*, Bắc Kạn.

[5]. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

### VOCATIONAL TRAINING MANAGEMENT TO MEET SOCIAL NEEDS AT BAC KAN BOARDING ETHNIC VOCATIONAL COLLEGE

#### Summary

This article presents theoretical issues and practices of vocational training management at Bac Kan Boarding Ethnic Vocational College, which includes the management of vocational training objectives; of teachers' instruction and learning activities; of technical facilities, practice facilities, vocational training equipments. Then it makes recommendations for improving the college's vocational training activities to meet social needs.

Keywords: Management, vocational training, social need, boarding ethnic.

Ngày nhận bài: 02/10/2017; Ngày nhận lại: 27/11/2017; Ngày duyệt đăng: 28/02/2018.